

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN P
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/4/2021

V/v “Không công nhận
vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Tô Đình Phương.

+ Ông Phan Thanh Long.

Thư lý Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Lựu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 318/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020, về việc “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXX-ST ngày 29/3/2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1968; địa chỉ: Khu P, thị trấn M, huyện P, tỉnh Bình Định (có mặt tại tòa).

2. **Bị đơn:** Anh Bùi Xuân A, sinh năm: 1965; địa chỉ: Khu P, thị trấn M, huyện P, tỉnh Bình Định (có đơn xin xử vắng mặt ngày 29/3/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 8 năm 2020, các lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu:

1.1. *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thu H trình bày vào năm 1988 chị và anh Bùi Xuân A có tìm hiểu và đi đến với nhau, sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2002 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị và anh A không hiểu nhau, quan điểm sống mỗi người khác nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đỉnh điểm của mâu thuẫn từ cuối năm 2002 chị và anh A không sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay và cũng từ đó vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh A là vợ chồng.

1.2. *Về con chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.1. Đối với bị đơn anh Bùi Xuân A trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 3 năm 2021, về điều kiện sống chung với nhau giống như chị Nguyễn Thị Thu H khai, cho đến nay anh và chị Nguyễn Thị Thu H chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2002 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị H không hiểu anh nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, từ cuối năm 2002 anh và chị H không sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay. Nay chị H yêu cầu Tòa án không công nhận chị H và anh là vợ chồng anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

2.2. Về con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày, từ thủ tục trình tự tố tụng dân sự từ khi Tòa thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm Sát viên tham gia phiên Tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Xuân A là vợ chồng.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Xuân A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Xuân A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí HNST: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng:* Anh Bùi Xuân A có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29 tháng 3 năm 2021, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Xuân A.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Xuân A có tìm hiểu và đi đến với nhau, sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1988 cho đến nay, sau khi về sống chung với nhau như vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2002 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị H và anh A không hiểu nhau, hai bên không thông cảm cho nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đỉnh điểm của mâu thuẫn từ cuối năm 2002 chị H và anh A không sống chung với nhau như vợ chồng và cũng từ đó vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Chị Nguyễn Thị Thu H làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh A là vợ chồng, anh A cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn không thể hàn gắn được.

Xét thấy chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Xuân A không đăng ký kết hôn, nghi thức kết hôn không đúng theo quy định của pháp luật tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình 2015 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử kết luận chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Xuân A không phải là vợ chồng.

3. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Xuân A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Xuân A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí HNST*: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 8, 9, 14, 15, 16 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

{1}. Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Xuân A là vợ chồng.

{2}. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Xuân A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{3}. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Bùi Xuân A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{4}. Về án phí HNST: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng sung công quỹ Nhà nước, chị H đã nộp dự phí khởi kiện 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0008883 ngày 01 tháng 9 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P nay được khấu trừ.

Án xử công khai các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hay tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn M;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIỆN TÒA**

Đã ký tên, đóng dấu

Cao Văn Đức